

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 1082/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* 1/ Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1949.

Trú tại: đường Đ, phường E, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1958.

Trú tại: đường G, phường K, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn:

Ông **Hồ Minh T1**. Sinh năm 1974.

Trú tại: đường V, Phường Y, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số chứng thực 11425, quyền số 11-SCT/CK,ĐC, ngày 21/11/2018 lập tại Văn phòng Công chứng B1, Thành phố Hồ Chí Minh).

*Bị đơn:* Ông **Ngô Quốc H**, sinh năm 1960.

Trú tại: đường R, phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông **Nguyễn Đình Thiên B**, sinh năm 1996.

Trú tại: đường R, phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 007605, Quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 11/3/2019 tại Văn phòng Công chứng N).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư **Đoàn Thanh T2** – Chi nhánh Công ty Luật TNHH SG.

Trú tại: đường Q, Phường L1, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Huỳnh Văn T3**, sinh năm 1951.

2/ Bà **Mai Thị L**, sinh năm 1952.

Cùng trú tại: đường N1, phường K, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông **Thái Doãn S**, sinh năm 1948.

4/ Bà **Trần Thị Thanh T4**, sinh năm 1954.

Cùng trú tại: xã K1, huyện Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là thành phố Đ).

5/ Bà **Huỳnh Thị H1**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: đường G, phường K, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ **Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: đường B1, phường M1, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ủy ban: Ông **Vũ Hoài P** – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận A và bà **Nguyễn Ngọc H2** – Chuyên viên Tài nguyên và Môi trường Quận A.

(Theo Giấy ủy quyền số 395/UBND-TNMT ngày 30/01/2019).

## **II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1/ Xác định phần đất có diện tích 400m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 540, tờ bản đồ số 1, tại phường K, Quận A (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Ngô Quốc H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 281650, sổ vào sổ cấp GCN: CH02185 do Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Ngô Quốc H, sinh năm 1960, CMND số 022681688, địa chỉ thường trú: đường R, phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Thống nhất hủy bỏ giấy tay Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 25/05/1995 giữa bên chuyển nhượng là ông Huỳnh Văn T3, bà Mai Thị L với bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị C, ông Phạm Ngọc T và bà Huỳnh Thị H1.

3/ Các ông bà Nguyễn Thị C, Phạm Ngọc T, Huỳnh Văn T3, Mai Thị L, Huỳnh Thị H1 không được quyền tranh chấp phần đất trên với ông Ngô Quốc H.

4/ Ông Ngô Quốc H có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Ngọc T số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng ngay khi Tòa án ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Về án phí hòa giải thành là 12.000.000 đồng, mỗi bên chịu một nửa. Tuy nhiên do bà C, ông T và ông H đủ 60 tuổi trở lên và có đơn xin được miễn nộp án phí nên bà C, ông T và ông H được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Ngọc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0045880 ngày 21/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

**III.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**IV.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Giang**